

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ bốn chữ.	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	20	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ bốn chữ	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài bốn chữ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ láy; biện pháp tu từ so sánh. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của đoạn thơ. - Cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Vận dụng - Trình bày tình cảm đối với nhân vật. - Nêu được chủ đề của đoạn thơ.	4 TN	4TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng ngôi kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				4 TN 1TL*	4TN 1TL*	2 TL 1TL*	1 TL*
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn ngữ liệu sau:

Chú bé loắt choắt,
Cái xắc xinh xinh,
Cái chân thoăn thoắt,
Cái đầu nghênh nghênh,(1)

Ca-lô đội lệch,
Mồm huýt sáo vang,
Như con chim chích,
Nhảy trên đường vàng...(2)

(Tố Hữu, *Lượm*, NXB Giáo dục năm 2003, tập , trang)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát. B. Tự do. C. 4 chữ. D. 5 chữ.

Câu 2. Bài thơ “Lượm” được sáng tác vào khoảng thời gian nào?

- A. Kháng chiến chống Mỹ. B. Kháng chiến chống Nhật.
C. Kháng chiến chống Pháp. D. Trước cách mạng tháng Tám.

Câu 3. Nhân vật Lượm trong đoạn thơ được khắc họa như thế nào?

- A. Hồn nhiên, vui tươi.
B. Gan dạ, dũng cảm.
C. Hăng hái, yêu đời.
D. Yêu thiên nhiên, yêu đời.

Câu 4. Trong đoạn thơ trên có bao nhiêu từ láy ?

- A. 2.
B. 3.
C. 4.
D. 5.

Câu 5. Trong hai câu thơ cuối, tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hóa
B. So sánh
C. Ẩn dụ.
D. Hoán dụ.

Câu 6. Trong khổ thơ thứ hai có bao nhiêu động từ?

- A. 1.
B. 2.
C. 3.
D. 4.

Câu 7. Hình ảnh và công việc của chú bé Lượm trong đoạn thơ gần giống với nhân vật có thật nào sau đây?

- A. Lê Văn Tám.
B. Võ Thị Sáu.
C. Bé Văn Đàn

D. Kim Đồng.

Câu 8. Chú bé Lượm trong bài thơ làm công việc gì?

A. Du kích.

B. Dân công.

C. Liên lạc.

D. Bộ đội.

Câu 9. Sau khi đọc đoạn thơ, em hãy đặt một câu bày tỏ tình cảm của em với chú bé Lượm.

Câu 10. Em hãy nêu chủ đề của đoạn thơ trên (không quá 5 dòng).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Với những trải nghiệm thực tế của mình, em hãy viết bài văn kể lại một buổi trồng hoa trên sân trường làm em nhớ nhất.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**Môn: Ngữ văn lớp 6**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	- Hình thức: viết câu đúng ngữ pháp - Nội dung: thể hiện được tình của mình với chú bé Lượm.	1,0
	10	- Thầy cô mang đến tri thức, kỹ năng,... - Yêu quý, kính trọng, biết ơn,....	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một trải nghiệm</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân em.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,5

HẾT